

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021

“V/v Tranh chấp xin ly hôn  
và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Chí Bền

Ông Trịnh Hoàng Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2020/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Danh Đ - sinh năm: 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

***- Bị đơn:*** Chị Thị Th - Sinh năm: 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Ng, xã B, huyện G, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Danh Đ trình bày: Anh và chị Thị Th tự tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng, được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 04 năm 2015. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Văn Th1 - sinh ngày: 07/5/2016 và Danh Thị Trà M - sinh ngày: 29/9/2017. Hiện cháu Th1 đang chung sống với anh Đ, cháu M đang chung sống với chị Th. Anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Th1 và tự nguyện giao cháu M cho chị Th nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Th không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử kiến nghị Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Về hôn nhân, anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Th, chị Th không trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh chị đã ly thân trong thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho Danh Đ được ly hôn với chị Th. Về con chung, có 02 con chung tên Danh Văn Th1 - sinh ngày: 07/5/2016 và Danh Thị Trà M - sinh ngày: 29/9/2017. Hiện cháu Thọ đang chung sống với anh Đ, cháu My đang chung sống với chị Th. Xét thấy các cháu đang sinh sống ổn định, anh Đ đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu Th1, ý kiến của anh Đ về con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị ghi nhận ý kiến của anh Đ, giao cháu Th1 cho anh Đ và cháu M cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, do anh Đ và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Anh Danh Đ khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với chị Thị Th. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Danh Đ và chị Thị Th tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh Đ xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh và chị Th đã tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống, ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Chị Th đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng lớn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn với chị Thị Th

[2.2] Về con chung: Theo anh Đ trình bày và Giây khai sinh có cơ sở xác định quá trình chung sống anh Đ và chị Th có 02 con chung tên Danh Văn Th1 - sinh ngày: 07/5/2016 và Danh Thị Trà M - sinh ngày: 29/9/2017. Hiện cháu Th1 đang chung sống với anh Đ, cháu M đang chung sống với chị Th. Anh Đ yêu cầu

tiếp tục nuôi cháu Th1 và tự nguyện giao cháu M cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển tốt, anh Đ đảm bảo điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th1, đối với cháu M hiện do chị Th nuôi dưỡng, anh Đ không ý kiến tranh chấp, anh chị đều không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến về con chung của anh Đ là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu Th1 cho anh Đ và cháu M cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh Đ và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Đ, chị Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005622 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn với chị Thị Th.

2. Về con chung: Ghi nhận việc anh Danh Đ tiếp tục nuôi cháu Danh Văn Th1 - sinh ngày: 07/5/2016 và tự nguyện giao cháu Danh Thị Trà M - sinh ngày: 29/9/2017 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ và chị Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Danh Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005622 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, anh Đ được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 07/12/2021. Chị Th được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thúy An**